TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **294**/2025/HS-ST.
Ngày 18 - 11 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Bà Vương Thị Khánh Loan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 272/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 573/TB-TA ngày 11/11/2025 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Anh T1**, sinh năm 1978, tại Hà Nội (có mặt); Hộ khẩu thường trú: số nhà 73, phố Hoàng D, phường Ngô Q, thị xã S, thành phố H (nay là số nhà 73, phố H, phường S, thành phố H); tạm trú: Tổ 25, khu phố 4B, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Như T3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1958; Sống chung như vợ chồng với bà Trương Thị T2, sinh năm 2000.

Tiền án:

- Ngày 12/12/1998, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 30 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo chưa đóng án phí và số tiền phạt 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), chưa được xóa án tích.

- Ngày 08/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/6/2022, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 27/3/2025, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 1400/LTG-CSKT ngày 05/4/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đồng Nai.

2/ Họ và tên: **Trương Thị T2**, sinh năm 2000, tại Đồng Nai (có mặt); Hộ khẩu thường trú: Thôn 12, xã Q, huyện Q, tỉnh N (nay là thôn 12, xã Q, tỉnh N); tạm trú: Tổ 25, khu phố 4B, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Đặng Thành, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1979; Chồng ông Đinh Văn D1, sinh năm 1992, có 01 con sinh năm 2019. Sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1978.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 27/3/2025 đến ngày 05/4/2025 thì được hủy bỏ tạm giữ theo Quyết định số: 4006/QĐ-VKSBH của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai). Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà **Phạm Thị K1, sinh năm 1965.**

Địa chỉ: Khu phố P, xã N, tỉnh Đ.

2. Bà **Phạm Thu T4, sinh năm 1972.**

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố P, xã N, tỉnh Đ.

3. Bà **Nguyễn Thị Minh N1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 4B, phường T2, tỉnh Đ.

4. Ông **Trương Thạnh L2**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường L, tỉnh Đ.

5. Bà **Lưu Thị Châu T5**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố P, xã N, tỉnh Đ.

6. Anh **Nguyễn Hoàn Anh T6**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: K3/115, tổ 86, khu phố 5, phường B, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đ.

7. Anh **Nguyễn Đình S1**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: 62C2, khu phố 11, phường T2, thành phố B (nay là phường T3), tỉnh Đ.

8. Bà **Đỗ Thị H1**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Tân Mỹ, phường T, tỉnh B (nay là phường Tân Khánh, thành phố H).

9. Chị **Lê Thị V1**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 59, khu phố 8, phường H, thành phố B (nay là phường L2), tỉnh Đ.

10. Chị **Mai Thị Thu H5**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: A3/341B, khu phố 3, phườngT, thành phố B (nay là phường B1), tỉnh Đ.

11. Bà **Châu Thị Thu H4**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: A4/44, khu phố 4, phường T, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đ.

12. Bà **Võ Thị Kim L3**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 47P/8, tổ 8/1, khu phố L4, phường T4, thành phố B (nay là phường L1), tỉnh Đ.

13. Anh **Trần Lê Duy H2**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 361/2/1, tổ 18, khu phố 6, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.

14. Bà **Phan Thị Kim T7**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 39/3, khu phố 1, phường T, thành phố B (nay là phường T1), tỉnh Đồng Nai.

15. Bà **Dương Mộng T8**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 25, khu phố 4B, phường T, tỉnh Đ.

16. Ông **Nguyễn Tấn T9**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 59/42/1, Phan Đình Phùng, khu phố 2, phường Q, thành phố B (nay là phường T1), tỉnh Đ.

17. Chị **Nguyễn Khánh B3**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Khu phố 3A, phường T, tỉnh Đ.

18. Ông **Đoàn Minh D1**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 25, khu phố 4B, phường T3, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh T1 là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, T1 và Trương Thị T2 có quan hệ tình cảm và thuê nhà tại địa chỉ tổ 25, khu phố 4B, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai) để sống chung với nhau như vợ chồng. T2 biết T1 hoạt động cho vay tiền lãi suất cao để thu lợi bất chính nhưng vẫn đồng ý giúp sức bằng cách: T2 đã sử dụng giấy tờ cá nhân của T2 để mở tài khoản số 4322936224 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), tài khoản số 0365792615 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank) rồi giao cho T1 sử dụng các tài khoản trên để

chuyển tiền cho vay và nhận tiền trả góp (do T1 không có căn cước công dân nên không mở được tài khoản ngân hàng để hoạt động cho vay). Khi thực hiện chuyển khoản trên 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) thì T2 là người xác thực sinh trắc học (nhận diện khuôn mặt) để T1 hoàn tất giao dịch, đồng thời T2 giúp T1 ghi chép sổ sách để quản lý việc cho vay. Ngoài ra, T2 còn sử dụng tài khoản số 0861000073174 Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của T2 để nhận tiền từ người vay.

Khi khách có nhu cầu vay sẽ liên hệ trực tiếp với T1, T1 xác minh nhà, giấy tờ tùy thân nếu đủ điều kiện thì T1 giữ một trong các loại giấy tờ như căn cước công dân, giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe và cho khách vay tiền. T1 và người vay sẽ thỏa thuận hình thức cho vay, số tiền thực nhận, số tiền phí, số tiền góp hàng ngày, số ngày góp và số ngày trả trước với mức lãi suất từ 30%/tháng đến 250%/tháng (gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự). Tùy từng trường hợp cụ thể theo thỏa thuận giữa T1 với người vay thì tiền phí, lãi suất, thời hạn trả góp và số tiền trả góp hàng ngày, số ngày trả trước có thể thay đổi, không cố định. Nếu người vay chưa trả hết tiền của lần vay trước mà muốn vay tiếp thì khi cho vay lần sau T1 sẽ trừ số tiền người vay chưa trả của lần vay trước vào số tiền cho vay của lần vay mới nên người vay chỉ nhận được số tiền còn lại và coi như lần vay trước đã trả xong.

Để thực hiện hoạt động cho vay, T1 sử dụng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của mình để làm tiền vốn cho vay và trực tiếp quản lý toàn bộ hoạt động cho vay, số tiền thu lợi bất chính T1 sử dụng cá nhân, tiếp tục thực hiện cho vay và sử dụng chi tiêu sinh hoạt hàng ngày cùng T2.

Từ ngày 15/4/2024 đến ngày 26/3/2025, T1 và T2 đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai xác định T1, T2 đã thu lợi bất chính của 18 người vay tiền trong 64 lần cho vay, cụ thể như sau:

1. Từ ngày 15/4/2024 đến ngày 21/11/2024, T1 và T2 đã cho chị Phạm Thị K1 (sinh năm 1965; ngụ tại Khu phố P, xã N, tỉnh Đ) vay 04 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 15/4/2024, T1 và T2 cho chị K1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị K1 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị K1 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị K1 chỉ nhận được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này chị K1 đã trả 14 ngày với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), còn 11 ngày chưa trả với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) thì chị K1 tiếp tục vay lần thứ 2 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 53,57%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 77.933 đồng (Bảy mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.422.067 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 2: Ngày 28/10/2024, T1 và T2 tiếp tục cho chị K1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay ngày 15/4/2024 nhưng T1 không thu tiền phí. Khi cho vay, T1 thu tiền trả góp trước 02 ngày và trừ số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) của khoản vay lần thứ 1 nên chị K1 chỉ nhận được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị K1 đã trả 14 ngày với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), còn 11 ngày chưa trả với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) thì chị K1 tiếp tục vay lần thứ 3 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 53,57%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 77.933 đồng (Bảy mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.422.067đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 3: Ngày 10/11/2024, T1 và T2 tiếp tục cho chị K1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay ngày 28/10/2024. Khi cho vay, T1 thu tiền trả góp trước 02 ngày và trừ số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) của khoản vay lần thứ 2 nên chị K1 chỉ nhận được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị K1 đã trả 12 ngày với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), còn 13 ngày chưa trả với số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) thì chị K1 tiếp tục vay lần thứ 4 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 12 ngày là 62,49%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 12 ngày là 66.799 đồng (Sáu mươi sáu nghìn bảy trăm chín chín đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.433.201 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm lẻ một đồng).

Lần thứ 4: Ngày 21/11/2024, T1 và T2 tiếp tục cho chị K1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 2 ngày 28/10/2024. Khi cho vay, T1 thu tiền trả góp trước 02 ngày và trừ số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) của khoản vay lần thứ 3 nên chị K1 chỉ nhận được 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị K1 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 139.167 đồng (Một trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.360.833 đồng (Hai triệu ba trăm sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

2. Từ ngày 26/7/2024 đến ngày 10/11/2024, T1 và T2 đã cho chị **Phạm Thu T4** ***(sinh năm 1972; ngụ tại: Tổ 4, Khu phố P, xã N, tỉnh Đ) vay 06 lần, cụ thể như sau:***

Lần thứ 1: Ngày 26/7/2024, T1 và T2 cho chị T4 vay 10.000.000 đồng(Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị T4 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị T4 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị T4 chỉ nhận được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này chị T4 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2

được hưởng trong 25 ngày là 139.167 đồng (Một trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.360.833 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 2, 3, 4, 5, 6: Vào các ngày 14/8/2024, 01/10/2024, 15/10/2024, 28/10/2024 và ngày 10/11/2024 T1 tiếp tục cho chị T4 vay thêm 05 lần với số tiền vay, hình thức vay, lãi suất, thời hạn vay, tiền phí, số tiền lãi hợp pháp mà T1 và T2 được nhận và số tiền thu lợi bất chính như lần thứ 1 vào ngày 26/7/2024.

3. Từ ngày 16/01/2025 đến ngày 22/3/2025, T1 và T2 đã cho Nguyễn Thị Minh N1 (sinh năm 1976; ngụ tại Tổ 1, khu phố 4B, phường T2, tỉnh Đ) vay 06 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 16/01/2025, T1 và T2 cho chị N1vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền chị N1phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị N1đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị N1chỉ nhận được 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị N1đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 69.583 đồng (Sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.180.417 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Lần thứ 2: Ngày 10/02/2025, T1 và T2 cho chị N1vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 1 ngày 16/01/2025. Khoản vay này chị N1đã trả được 15 ngày với số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), còn thiếu 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên chị Nguyệt vay lần thứ 3 để đáo hạn, lãi suất thực tế trong 15 ngày là 49,99%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 15 ngày là 41.749 đồng (Bốn mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.208.251 đồng (Một triệu hai lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi mốt đồng).

Lần thứ 3: Ngày 25/02/2025, T1 và T2 cho chị N1vay 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 1 ngày 16/01/2025. Khi vay chị N1đóng tiền trả góp trước 02 ngày và trả số tiền còn thiếu của lần vay thứ 2 là 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên chị N1chỉ nhận được 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Khoản vay này chị N1đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 69.583đồng (Sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.180.417đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Lần thứ 4: Ngày 27/02/2025, T1 và T2 cho chị N1vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị N1phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị N1đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị N1chỉ nhận được 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Khoản vay này chị N1đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức

1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 139.167 đồng (Một trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.360.833 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 5: Ngày 10/3/2025, T1 và T2 cho chị N1vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất, số tiền lãi hợp pháp T1 và T2 được hưởng, số tiền thu lợi bất chính như lần vay thứ 1 vào ngày 16/01/2025.

Lần thứ 6: Ngày 22/3/2025, T1 và T2 tiếp tục cho chị N1vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 1 ngày 16/01/2025. Khoản vay này chị N1trả được 04 ngày với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thì T1 bị Cơ quan Công an bắt giữ. Số tiền nhằm thu lợi bất chính là 1.180.417 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) nhưng T1 chưa thu được.

4. Từ ngày 03/8/2024 đến ngày 17/3/2025, T1 đã cho anh Trương Thạnh L2 (sinh năm 1995; ngụ tại Khu phố 6, phường L, tỉnh Đ) vay 18 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 03/8/2024, T1 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền anh L2 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh L2 chỉ nhận được 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 13 ngày với số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), còn 12 ngày chưa trả với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 2 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 13 ngày là 57,69%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 13 ngày là 72.367 đồng (Bảy mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.427.633 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 2: Ngày 14/8/2024, T1 và T2 tiếp tục cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 1 ngày 03/8/2024. Khi cho vay T1 thu tiền trước 02 ngày và trừ số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) của khoản vay lần thứ 1 nên anh L2 chỉ nhận được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 15 ngày với số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), còn 10 ngày chưa trả với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 3 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 15 ngày là 49,99%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 15 ngày là 83.499 đồng (Tám mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.416.501 đồng (Hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm lẻ một đồng).

Lần thứ 3: Ngày 27/8/2024, T1 và T2 tiếp tục cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 1 ngày 03/8/2024. Khi cho vay T1 thu tiền trước 02 ngày và trừ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của khoản vay lần thứ 2 nên anh L2 chỉ nhận được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 14 ngày với số tiền 7.000.000

đồng (Bảy triệu đồng), còn 11 ngày chưa trả với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 4 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 53,57%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 77.933 đồng (Bảy mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.422.067 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 4: Ngày 10/9/2024, T1 và T2 tiếp tục cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 1 ngày 03/8/2024. Khi cho vay T1 thu tiền trước 02 ngày và trừ số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) của khoản vay lần thứ 3 nên anh L2 chỉ nhận được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 139.167 đồng (Một trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.360.833 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 5: Ngày 29/10/2024, T1 và T2 cho anh L2 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền anh L2 phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh L2 chỉ nhận được 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 14 ngày với số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), còn 11 ngày chưa trả với số tiền 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 6 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 53,57%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 41.749 đồng (Bốn mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.208.251 đồng (Một triệu hai trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi mốt đồng).

Lần thứ 6: Ngày 12/11/2024, T1 và T2 cho anh L2 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức vay, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 5 ngày 29/10/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và trả số tiền còn thiếu của khoản vay lần thứ 5 là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nên anh L2 chỉ nhận được 1.750.000đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 13 ngày với số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn 12 ngày chưa trả với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 7 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 13 ngày là 57.69%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 13 ngày là 36.183 đồng (Ba mươi sáu nghìn một trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.213.817 đồng (Một triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm mười bảy đồng).

Lần thứ 7: Ngày 24/11/2024, T1 và T2 cho anh L2 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức vay, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 5 ngày 29/10/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và trả số tiền còn

thiếu của khoản vay lần thứ 6 là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) nên anh L2 chỉ nhận được 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 13 ngày với số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), còn 12 ngày chưa trả với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thì anh L2 tiếp tục vay lần thứ 8 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 13 ngày là 57.69%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 13 ngày là 36.183 đồng (Ba mươi sáu nghìn một trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.213.817 đồng (Một triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm mười bảy đồng).

Lần thứ 8: Ngày 06/12/2024, T1 và T2 cho anh L2 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức vay, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 5 ngày 29/10/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và trả số tiền còn thiếu của khoản vay lần thứ 7 là 3.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên anh L2 chỉ nhận được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 12 ngày với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), còn 13 ngày chưa trả với số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 9 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 12 ngày là 62.49%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 12 ngày là 33.399 đồng (Ba mươi ba nghìn ba trăm chín mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.216.601 đồng (Một triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm lẻ một đồng).

Lần thứ 9: Ngày 17/12/2024, T1 và T2 cho anh L2 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức vay, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 5 ngày 29/10/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và trả số tiền còn thiếu của khoản vay lần thứ 8 là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên anh L2 chỉ nhận được 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 69.583 đồng (Sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.180.417 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Lần thứ 10: Ngày 18/12/2024, T1 và T2 cho anh L2 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức vay, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 5 ngày 29/10/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày, số tiền anh L2 nhận được là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 69.583 đồng (Sáu mươi chín nghìn năm trăm tám mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.180.417 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Lần thứ 11: Ngày 28/12/2024, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần vay thứ 1 ngày 03/8/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh L2 chỉ nhận được 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 10 ngày với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), còn 15 ngày chưa trả với số tiền

7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 12 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 10 ngày là 75%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 10 ngày là 55.667 đồng (Năm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.444.333 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 12: Ngày 07/01/2025, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần thứ 1 ngày 03/8/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) còn thiếu của khoản vay lần thứ 11 nên anh L2 chỉ nhận được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 14 ngày với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), còn 11 ngày chưa trả với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) thì anh L2 tiếp tục vay lần thứ 13 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 53,57%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 77.933 đồng (Bảy mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.422.067 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 13: Ngày 21/01/2025, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần thứ 11 ngày 28/12/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) còn thiếu của khoản vay lần thứ 12 nên anh L2 chỉ nhận được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 10 ngày với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), còn 15 ngày chưa trả với số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 14 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 10 ngày là 75%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 10 ngày là 55.667 đồng (Năm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.444.333 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 14: Ngày 03/02/2025, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần thứ 11 ngày 28/12/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) còn thiếu của khoản vay lần thứ 13 nên anh L2 chỉ nhận được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 13 ngày với số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), còn 12 ngày chưa trả với số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 15 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 13 ngày là 57,69%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 13 ngày là 72.367 đồng (bảy mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.427.633 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 15: Ngày 15/02/2025, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần thứ 11 ngày 28/12/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) còn thiếu của khoản vay lần thứ 14 nên anh L2 chỉ nhận được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 11 ngày với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), còn 14 ngày chưa trả với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) thì anh L2 tiếp tục vay lần thứ 16 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 11 ngày là 68,18%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 11 ngày là 61.233 đồng (Sáu mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.348.767 đồng (Hai triệu ba trăm bốn tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 16: Ngày 25/02/2025, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần thứ 11 ngày 28/12/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) còn thiếu của khoản vay lần thứ 15 nên anh L2 chỉ nhận được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 11 ngày với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), còn 14 ngày chưa trả với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 17 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 11 ngày là 68,18%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 11 ngày là 61.233 đồng (Sáu mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.348.767 đồng (Hai triệu ba trăm bốn tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 17: Ngày 07/3/2025, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần thứ 11 ngày 28/12/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) còn thiếu của khoản vay lần thứ 16 nên anh L2 chỉ nhận được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 11 ngày với số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), còn 14 ngày chưa trả với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) anh L2 tiếp tục vay lần thứ 18 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 11 ngày là 68,18%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 11 ngày là 61.233 đồng (Sáu mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.348.767 đồng (Hai triệu ba trăm bốn tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 18: Ngày 17/3/2025, T1 và T2 cho anh L2 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức, thời hạn vay, lãi suất như lần thứ 11 ngày 28/12/2024. Khi vay anh L2 phải đóng tiền trả góp trước 02 ngày và số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) còn thiếu của khoản vay lần thứ 17 nên anh L2 chỉ nhận được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Khoản vay này anh L2 đã trả 06 ngày với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thì T1 bị cơ quan Công an bắt giữ, anh L2 còn 19 ngày chưa trả với số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền T1 và T2 nhằm thu lợi bất chính là 2.360.833 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) nhưng chưa thu được.

5. Tháng 7 năm 2024 (không rõ ngày), T1 và T2 cho chị Mai Thị Thu H5 (sinh năm 1998, ngụ tại A3/341B, khu phố 3, phườngT, thành phố B (nay là phường B1), tỉnh Đ)) vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền chị H5 phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/ tháng. Khi vay chị H5 phải trả tiền phí là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 04 ngày nên chị H5 chỉ nhận được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị H5 chỉ góp 10 ngày với số tiền là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) thì không trả nữa và còn thiếu lại T1 số tiền góp của 15 ngày là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 1.680.417 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) nhưng chỉ mới thu được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền phí.

6. Tháng 7 năm 2024 (không rõ ngày), T1 và T2 cho chị Châu Thị Thu H4 (sinh năm 1971, ngụ tại A4/44, khu phố 4, phường T, thành phố B (nay là phường B), tỉnh Đ) vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị H4 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị H4 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị H4 chỉ nhận được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này chị H4 chỉ góp được 10 ngày với số tiền là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) thì không trả nữa và còn thiếu lại T1 số tiền góp của 15 ngày là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 3.360.834 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) nhưng chỉ mới thu được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền phí.

7. Tháng 8 năm 2024 (không rõ ngày) T1 và T2 cho chị Võ Thị Kim L3 (sinh năm 1980, ngụ tại 47P/8, tổ 8/1, khu phố L4, phường T4, thành phố B (nay là phường L1), tỉnh Đ) vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 21 ngày, mỗi ngày trả 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị L3 phải trả là 12.600.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 31,2%/tháng. Khi vay chị L3 phải trả tiền phí là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị L3 chỉ nhận được 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị L3 chỉ góp được 9 ngày với số tiền là 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) thì không trả nữa và còn thiếu lại T1 số tiền góp của 12 ngày là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 2.983.101 đồng (Hai triệu chín trăm tám mươi ba nghìn một trăm lẻ một đồng) nhưng chỉ mới thu được 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền phí.

8. Từ ngày 18/8/2024 đến ngày 10/9/2024, T1 và T2 đã cho chị Lưu Thị Châu T5 (sinh năm 1973; ngụ tại Khu phố P, xã N, tỉnh Đ) vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 18/8/2024, T1 và T2 cho chị T5vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị T5phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị T5phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị T5chỉ nhận được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này chị T5đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng T1 và T2 được hưởng trong 25 ngày là 139.167 đồng (Một trăm ba mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.360.833 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 2: Ngày 10/9/2024, T1 và T2 tiếp tục cho chị T5vay 10.000.000đồng (Mười triệu đồng), hình thức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, tiền phí, số tiền lãi hợp pháp T1 và T2 được hưởng, số tiền thu lợi bất chính như lần cho vay ngày 18/8/2024.

9. Từ ngày 02/8/2024 đến ngày 12/10/2024, T1 và T2 đã cho anh Nguyễn Hoàn Anh T6 (sinh năm 2002; ngụ tại K3/115, tổ 86, khu phố 5, phường Bửu Hòa (nay là phường Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai) vay 08 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 02/8/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền anh Anh T6 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh Anh T6 chỉ nhận được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này anh Anh T6 chỉ góp được 16 ngày với số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và còn thiếu 9 ngày là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 2 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 16 ngày là 46,88%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 16 ngày là 89.067 đồng (Tám mươi chín nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.410.933 đồng (Ba triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 2: Ngày 17/8/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), T1 không thu phí khoản vay, tổng số tiền anh Anh T6 phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 1 là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trả trước tiền góp của 1 ngày nên anh Anh T6 chỉ còn nhận 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản vay này anh Anh T6 trả được 05 ngày với số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và còn thiếu 20 ngày là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 3 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 05 ngày là 150%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 5 ngày là 13.916 đồng (Mười ba nghìn chín trăm mười sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là

1.236.084 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn không trăm tám mươi bốn đồng).

Lần thứ 3: Ngày 22/8/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), T1 không thu phí khoản vay, tổng số tiền anh Anh T6 phải trả là 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 2 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), trả trước tiền góp của 2 ngày nên anh Anh T6 chỉ còn nhận 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh Anh T6 trả được 19 ngày với số tiền 14.250.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và còn thiếu 6 ngày là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 4 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 19 ngày là 39,47%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 19 ngày là 141.950 đồng (Một trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.608.050 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ tám nghìn không trăm năm mươi đồng).

Lần thứ 4: Ngày 08/9/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 1 ngày 02/8/2024, T1 không tính phí khoản vay. Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 3 là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên anh Anh T6 chỉ còn nhận 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh Anh T6 trả được 12 ngày với số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và còn thiếu 11 ngày là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 5 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 53,57%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 77.933 đồng (Bảy mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.422.067 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 5: Ngày 22/9/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 3 ngày 22/8/2024. Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 4 là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên anh Anh T6 chỉ còn nhận 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này anh Anh T6 trả được 12 ngày với số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và còn thiếu 13 ngày là 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 6 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 12 ngày là 62,5%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 12 ngày là 100.200 đồng (Một trăm nghìn hai trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.649.800 đồng (Ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm đồng).

Lần thứ 6: Ngày 30/9/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 4 ngày 08/9/2024. Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 5 là 9.750.000 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), không phải trả trước tiền góp nên anh Anh

T6 chỉ còn nhận 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản vay này anh Anh T6 trả được 10 ngày với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và còn thiếu 15 ngày là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 7 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 10 ngày là 75%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 10 ngày là 55.667 đồng (Năm mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.444.333 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 7: Ngày 09/10/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 4 ngày 08/9/2024. Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 6 là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên anh Anh T6 chỉ còn nhận 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh Anh T6 trả được 03 ngày với số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và còn thiếu 22 ngày là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 8 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 03 ngày là 250%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 03 ngày là 16.699 đồng (Mười sáu nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính là 2.483.301 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn ba trăm lẻ một đồng).

Lần thứ 8: Ngày 12/10/2024, T1 và T2 cho anh Anh T6 vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tổng số tiền anh Anh T6 phải trả là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng, T1 không thu phí khoản vay. Khi vay anh Anh T6 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 7 là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên anh Anh T6 chỉ còn nhận 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Khoản vay này anh Anh T6 trả được 4 ngày với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và còn thiếu 21 ngày chưa trả là 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 nhằm đạt được là 4.721.667 đồng (Bốn triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) nhưng chưa nhận được.

10. Từ ngày 11/10/2024 đến ngày 26/11/2024, T1 và T2 đã cho anh Nguyễn Đình S1 (sinh năm 1998, ngụ tại 62C2, khu phố 11, phường T2, thành phố B (nay là phường T3), tỉnh Đ) vay 02 đợt khác nhau, tổng cộng 07 lần vay.

Đợt vay thứ nhất gồm 04 lần vay, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 11/10/2024, T1 và T2 cho anh S1 vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) hình thức trả góp trong 22 ngày, mỗi ngày 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), tổng số tiền anh S1 phải trả là 88.000.000 đồng (Tám mươi tám triệu đồng), tương đương lãi suất 35,06%/ tháng. Khi vay anh S1 phải trả tiền phí 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh S1 chỉ được nhận 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng). Khoản vay này anh S1 trả được 14 ngày với số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) và còn thiếu 6 ngày là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 2 để

đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 55,1%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 545.533 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 24.454.467 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 2: Ngày 25/10/2024, T1 và T2 cho anh S1 vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 1 ngày 11/10/2024, tiền phí là 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng), khi vay anh S1 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 1 là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên anh S1 chỉ còn nhận 32.400.000 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh S1 trả được 14 ngày với số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) và còn thiếu 6 ngày là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 3 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 14 ngày là 55,1%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 14 ngày là 545.533 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 23.054.467 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Lần thứ 3: Ngày 10/11/2024, T1 và T2 cho anh S1 vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) với tiền phí, lãi suất và cách thức trả góp như lần vay thứ 2. Khi vay anh S1 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 2 là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên anh S1 chỉ còn nhận 32.400.000 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh S1 trả được 16 ngày với số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng) và còn thiếu 4 ngày là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 4 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 16 ngày là 48,2%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 16 ngày là 623.467 đồng (Sáu trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 22.976.533 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 4: Ngày 26/11/2024, T1 và T2 cho anh S1 vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 1 ngày 11/10/2024, tiền phí là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), khi vay anh S1 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 3 là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên anh S1 chỉ còn nhận 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Khoản vay này anh S1 trả được 15 ngày với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và còn thiếu lại số tiền góp của 07 ngày là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) chưa trả. Số tiền thu lợi bất chính T1 nhằm đạt được là 23.142.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng) nhưng chỉ mới thu được 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tiền phí.

Đợt vay thứ hai gồm 03 lần vay, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 20/10/2024, T1 và T2 cho anh S1 vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) hình thức trả góp trong 22 ngày, mỗi ngày 2.000.000 đồng (Hai

triệu đồng), tổng số tiền anh S1 phải trả là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), tương đương lãi suất 63,64%/ tháng. Khi vay anh S1 phải trả tiền phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh S1 chỉ nhận được 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Khoản vay này anh S1 trả được 20 ngày với số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và còn thiếu 2 ngày là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 2 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 20 ngày là 69,9%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 20 ngày là 334.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng), số tiền thu lợi bất chính là 16.666.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Lần thứ 2: Ngày 08/11/2024, T1 và T2 cho anh S1 vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 1 ngày 20/10/2024, tiền phí là 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), khi vay anh S1 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 1 là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), trả trước tiền góp của 04 ngày, trừ tiền góp ngày của khoản vay lần 1 nên anh S1 chỉ còn nhận 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh S1 trả được 15 ngày với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và còn thiếu 7 ngày là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 3 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 15 ngày là 93,33%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 15 ngày là 250.500 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là 16.149.500 đồng (Mười sáu triệu một trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Lần thứ 3: Ngày 21/11/2024, T1 và T2 cho anh S1 vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hình thức trả góp trong 22 ngày, mỗi ngày 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền anh S1 phải trả là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng), tương đương lãi suất 73,64%/ tháng. Khi vay anh S1 phải trả tiền phí 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày, trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 2 là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) nên anh S1 chỉ còn nhận 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Khoản vay này anh S1 đã trả xong. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 22 ngày là 612.333 đồng (Sáu trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính là 31.387.667 đồng (Ba mươi mốt triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

11. Ngày 30/11/2024, T1 và T2 cho anh Trần Lê Duy Hải (sinh năm 1993, ngụ tại 361/2/1 tổ 18, khu phố 6, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai) vay 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) hình thức trả góp trong 22 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), tổng số tiền anh Hải phải trả là 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 35,06%/tháng. Khi vay anh Hải phải trả tiền phí là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) và đóng tiền trả góp trước 03 ngày nên anh Hải chỉ nhận được 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh Hải chỉ góp được 11 ngày với số tiền là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) thì không trả nữa và còn thiếu lại T1 số tiền góp của 11 ngày là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính

T1 và T2 nhằm đạt được là 2.414.273 đồng (Hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng) nhưng chỉ mới thu được 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) tiền phí.

12. Tháng 12 năm 2024 (không rõ ngày), T1 và T2 cho chị Phan Thị Kim T7 (sinh năm 1980, ngụ tại 39/3, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa (nay là phường Trấn Biên), tỉnh Đồng Nai) vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị T7 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị T7 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 01 ngày nên chị T7 chỉ nhận được 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị T7 chỉ góp được 17 ngày với số tiền là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) thì không trả nữa và còn thiếu lại T1 số tiền góp của 8 ngày là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 3.360.834 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) nhưng chỉ mới thu được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền phí.

13. Ngày 15/3/2025, T1 và T2 cho chị Dương Mộng T8 (sinh năm 1975, ngụ tại Tổ 25, khu phố 4B, phường T, tỉnh Đ) vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị T8 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay chị T8 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị T8 chỉ nhận được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này chị T8 trả được 12 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) thì T1 bị Cơ quan Công an bắt giữ nên chị T8 còn thiếu lại T1 số tiền góp của 13 ngày là 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 3.360.834 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) nhưng chỉ mới thu được 1.000.000đồng (Một triệu đồng) tiền phí.

14. Ngày 25/3/2025, T1 và T2 cho anh Nguyễn Tấn T9 (sinh năm 1984, ngụ tại 59/42/1, Phan Đình Phùng, khu phố 2, phường Q, thành phố B (nay là phường T1), tỉnh Đ) vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày trả 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), tổng số tiền anh T9 phải trả là 12.800.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 26,25%/tháng. Khi vay anh T9 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh T9 chỉ nhận được 8.200.000 đồng (Tám triệu hai trăm nghìn đồng). Khoản vay này anh T9 trả trước cho T1 thêm 13 ngày với số tiền là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) thì T1 bị bắt nên anh T9 còn thiếu lại T1 số tiền góp của 17 ngày là 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 3.621.867 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng) nhưng chỉ mới thu được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền phí.

15. Từ ngày 27/02/2025 đến ngày 14/3/2025, T1 và T2 đã cho chị Đỗ Thị H1 (sinh năm 1974, ngụ tại Tổ 4, khu phố Tân Mỹ, phường T, tỉnh B (nay là phường Tân Khánh, thành phố H) vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 11/3/2025, T1 và T2 cho chị H1 vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tổng số tiền chị H1 phải trả là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/ tháng. Khi vay chị H1 phải trả tiền phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị H1 chỉ nhận được 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Khoản vay này chị H1 trả được 16 ngày với số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và còn thiếu 09 ngày là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 2 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 16 ngày là 46,88%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 16 ngày là 89.067 đồng (Tám mươi chín nghìn không trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 3.410.933 đồng (Ba triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 2: Ngày 14/3/2025, T1 và T2 cho chị H1 vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền chị H1 phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/ tháng. Khi vay chị H1 không mất phí và phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 1 là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên chị H1 không nhận được tiền. Khoản vay này chị H1 trả được 11 ngày với số tiền 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thì T1 bị Cơ quan Công an bắt giữ nên chị H1 còn thiếu lại số tiền góp của 14 ngày là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 1.180.417 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) nhưng chưa nhận được.

16. Từ ngày 11/3/2025 đến ngày 21/3/2025, T1 và T2 đã cho chị Lê Thị V1 (sinh năm 1991, ngụ tại Tổ 59, khu phố 8, phường H, thành phố B (nay là phường L2), tỉnh Đ) vay 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 11/3/2025, T1 cho chị V1 vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) hình thức trả góp trong 21 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền chị V1 phải trả là 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương lãi suất 44,64%/ tháng. Khi vay chị V1 không phải trả phí và đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên chị V1 chỉ nhận được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Khoản vay này chị V1 trả được 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và còn thiếu 11 ngày là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thì tiếp tục vay lần thứ 2 để đáo hạn nên lãi suất thực tế trong 10 ngày là 93,75%/ tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/ tháng mà T1 và T2 được hưởng trong 10 ngày là 22.267 đồng (Hai mươi hai nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 1.227.733 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng).

Lần thứ 2: Ngày 21/3/2025, T1 và T2 cho chị V1 vay 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng), lãi suất và cách thức trả góp như lần thứ 1 ngày 11/3/2025, khi vay chị V1 phải trả tiền còn thiếu của lần vay thứ 1 là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả trước tiền góp của 02 ngày nên chị V1 chỉ còn nhận 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản vay này chị V1 trả được 08 ngày với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì T1 bị Cơ quan Công an bắt giữ nên chị V1 còn thiếu lại số tiền góp của 13 ngày là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 1.203.240 đồng (Một triệu hai trăm lẻ ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng) nhưng chưa nhận được.

17. Ngày 20/3/2025, T1 và T2 cho anh Nguyễn Khánh B3 (sinh năm 2003, ngụ tại Khu phố 3A, phường T, tỉnh Đ) vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền anh B3 phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay anh B3 phải trả tiền phí là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), đóng tiền trả góp trước 02 ngày và anh B3 thỏa thuận đóng tiền trả góp trước thêm 10 ngày là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên anh B3 chỉ nhận được 1.500.000 đồng (Một triệu trăm nghìn đồng). Đến ngày 26/3/2025 thì T1 bị Cơ quan Công an bắt giữ nên anh B3 còn thiếu lại T1 số tiền góp của 13 ngày là 3.250.000đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 1.680.417 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) nhưng chỉ mới thu được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền phí.

18. Ngày 24/3/2025, T1 cho anh Đoàn Minh D1 (sinh năm 1987, ngụ tại Tổ 25, khu phố 4B, phường T3, tỉnh Đ) vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) hình thức trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền anh D1 phải trả là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương lãi suất 30%/tháng. Khi vay anh D1 phải trả tiền phí là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), đóng tiền trả góp trước 02 ngày nên anh D1 chỉ nhận được 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Đến ngày 26/3/2025 thì T1 bị bắt nên anh D1 còn thiếu lại T1 số tiền góp của 23 ngày là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền thu lợi bất chính T1 và T2 nhằm đạt được là 1.680.417 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn bốn trăm mười bảy đồng) nhưng chỉ mới thu được 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền phí.

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 26/3/2025, Công an phường Trảng Dài tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà tại địa chỉ tổ 25, khu phố 4C, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai do T1, T2 thuê ở phát hiện nhiều giấy tờ, sổ sách liên quan đến hoạt động cho vay lãi suất cao nên đã bắt giữ T1 và T2 để xác minh xử lý. Ngày 05/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T1 và T2.

Quá trình điều tra đã xác định T1 và T2 có hành vi cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính 294.512.588 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng). Tuy nhiên, T1 và T2 chỉ thu lợi bất chính được

249.142.056 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng). Số tiền trên T1 và T2 tiếp tục làm vốn để cho vay và cùng nhau tiêu xài thì bị phát hiện, khởi tố để điều tra xử lý.

Vật chứng được thu giữ gồm:

- 01 cuốn sổ ghi chép nhật ký cho vay tiền trả góp, thời gian ghi nhận từ ngày 28/7/2024 đến ngày 25/3/2025 và 03 quyển tập học sinh ghi các nội dung liên quan, lưu hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, sim số 0365.792.615, số IMEI 358637621115903 của Trương Thị T2 sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, sim số 0981.244.304, số IMEI 357100775429373 của Nguyễn Anh T1 sử dụng vào việc phạm tội.

- 18 căn cước công dân tên Nguyễn Hoàn Anh T1, Châu Thị Thu Hiến, Mai Thị Thu H5, Nguyễn Thị Thúy Hoa, Phan Thị Kim T2, Lê Mai Hảo, Dương Thị Linh, Võ Thị Kim Loan, Nguyễn Thị Diệu Hồng, Phạm Thị Thủy, Lưu Thị Châu T5, Phạm Thị K1, Trần Thị Thùy T2, Trần Lê Duy Hải, Nguyễn Tấn Thời, Nguyễn Thị Thu Thùy, Đoàn Minh Dũng, Nguyễn Khánh Băng; 03 giấy phép lái xe của Trần Ngọc Lan Anh, Trương Thạnh Lợi, Trần Lê Duy Hải; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59U2-100.39 của Lưu Quốc Minh; 04 giấy khai sinh của Trần Gia Hoàng, Trần Bá Duy, Nguyễn Gia Pháp, Trần Anh Thư; 02 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của Nguyễn Thị Thùy T2 và Nguyễn Võ Thành Nhân, Mai Thị Thu H5 và Phạm Hữu Hưng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả cho chủ sở hữu.

- Đối với 12 căn cước công dân tên Vũ Việt Hoàng, Trần Thanh Tâm, Nguyễn Cao Minh, Trần Thị Nhật Anh, Phạm Thị Mỹ Tiên, Quách Phước Hoàng Long, Lê Quang Hiếu, Hà Văn Bính, Kiều Tấn Hận, Trần Văn Quân, Trà Trần Thu Thảo, Nguyễn Thị Mỹ; 04 giấy phép lái xe của Phạm Thị Mỹ Tiên, Lê Quang Hiếu, Hà Văn Bính, Võ Trọng Quang; 03 giấy khai sinh của Đoàn Thùy Trân, Đoàn Huy Hoàng, Nguyễn Thị Phương Mai và 02 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của Hồ Thanh Hương và Trần Thị Ngọc Thy, Trần Thị Thu Mai và Nguyễn Xuân Mùi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm việc được với chủ sở hữu nên tiếp tục tạm giữ, xác minh xử lý sau.

Bản cáo trạng số: 08/CT-VKSKV1 ngày 14/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T1 từ 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt bổ sung số tiền từ 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trương Thị T2 từ 10 (Mười) tháng đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt bổ sung số tiền từ 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 4 năm 2024 đến ngày 26/3/2025, các bị cáo Nguyễn Anh T1 và Trương Thị T2 đã có hành vi cho 18 người vay tiền trong 64 lần cho vay với lãi suất 30%/tháng đến 250%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự để nhằm thu lợi bất chính 294.512.588 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng) và thực tế đã thu lợi bất chính được 249.142.056đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng). Đến ngày 26/3/2025, các bị cáo Nguyễn Anh T1 và Trương Thị T2 bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, bị cáo Nguyễn Anh T1 là người cầm đầu, quản lý hoạt động cho vay lãi nặng.

Bị cáo Trương Thị T2 là người giúp sức cho bị cáo Nguyễn Anh T1 thực hiện hành vi cho vay lãi nặng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận trước mắt, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài các bị cáo đã phạm tội. Các bị cáo phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn. Trong đó, vai trò của bị cáo Nguyễn Anh T1 là người cầm đầu, quản lý hoạt động cho vay lãi nặng. Bị cáo Trương Thị T2 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Anh T1 thực hiện hành vi cho vay lãi nặng.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Anh T1 có 02 tiền án chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trương Thị T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 phải nộp lại 6.487.944đồng (Sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 nộp lại số tiền 136.250.000đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước :

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, sim số 0365.792.615, số IMEI 358637621115903 của bị cáo Trương Thị T2 sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, sim số 0981.244.304, số IMEI 357100775429373 của bị cáo Nguyễn Anh T1 sử dụng vào việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai).

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 trả lại cho bà Phạm Thu Kim số tiền 10.638.168 đồng (Mười triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi tám đồng); bà Phạm Thu Thủy số tiền 20.164.998 đồng (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng); bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt số tiền 7.110.335 đồng (Bảy triệu một trăm mười nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng); anh Trương Thạnh Lợi số tiền 33.625.021 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn không trăm hai mươi mốt đồng); chị Mai Thị Thu Hiền số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); chị Châu Thị Thu H4 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chị Võ Thị Kim L3 số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); chị Lưu Thị Châu

Trần số tiền 6.721.666 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); anh Nguyễn Hoàn Anh T1 số tiền 19.254.568 đồng (Mười chín triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng); anh Nguyễn Đình Sơn số tiền 140.688.634 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng); anh Trần Lê Duy Hải 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng); chị Phan Thị Kim T2 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); anh Nguyễn Tấn T9 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chị Dương Mộng T8 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chị Đỗ Thị H1 số tiền 3.410.933 đồng (Ba triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm ba mươi ba đồng); chị Lê Thị V1 số tiền 1.227.733 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng); anh Đoàn Minh D1 số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Buộc chị Mai Thị Thu Hiền phải nộp lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); anh Nguyễn Đình Sơn phải nộp lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); chị Châu Thị Thu H4 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); chị Phan Thị Kim T2 phải nộp lại 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); chị Võ Thị Kim L3 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh Nguyễn Tấn T9 phải nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); chị Dương Mộng T8 phải nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); anh Nguyễn Khánh B3 phải nộp lại 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); chị Lê Thị V1 phải nộp lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); chị Đỗ Thị H1 phải nộp lại 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); anh Đoàn Minh D1 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh Nguyễn Hoàn Anh T1 phải nộp lại 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); Nguyễn Thị Minh N1 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh Trương Thạnh Lợi phải nộp lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là số tiền các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với những người đã vay tiền của các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 hiện chưa xác minh và làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[7] Đối với chị Tạ Thị Bích Hiền là chủ căn nhà tại địa chỉ tổ 25, khu phố 4B, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai đã cho các bị cáo Nguyễn Anh T1 và Trương Thị T2 thuê nhà để ở và không biết các bị cáo T1, T2 thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Anh T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.228.551 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thị T2 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.228.551 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T1 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2025.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Anh T1 số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Trương Thị T2 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 18/11/2025.

Giao bị cáo Trương Thị T2 cho Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi

phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Phạt bổ sung bị cáo Trương Thị T2 số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 phải nộp lại 6.487.944 đồng (Sáu triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 phải nộp lại số tiền 136.250.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) là số tiền phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, sim số 0365.792.615, số IMEI 358637621115903 của bị cáo Trương Thị T2 sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, sim số 0981.244.304, số IMEI 357100775429373 của bị cáo Nguyễn Anh T1 sử dụng vào việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai).

- Buộc các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 trả lại cho bà Phạm Thu Kim số tiền 10.638.168 đồng (Mười triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn một trăm sáu mươi tám đồng); bà Phạm Thu Thủy số tiền 20.164.998 đồng (Hai mươi triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng); bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt số tiền 7.110.335 đồng (Bảy triệu một trăm mười nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng); anh Trương Thạnh Lợi số tiền 33.625.021 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn không trăm hai mươi mốt đồng); chị Mai Thị Thu Hiền số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); chị Châu Thị Thu H4 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chị Võ Thị Kim L3 số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); chị Lưu Thị Châu Trần số tiền 6.721.666 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); anh Nguyễn Hoàn Anh T1 số tiền 19.254.568 đồng (Mười chín triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi tám đồng); anh Nguyễn Đình Sơn số tiền 140.688.634 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi bốn đồng); anh Trần Lê Duy Hải 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng); chị Phan Thị Kim T2 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); anh Nguyễn Tấn T9 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chị Dương Mộng T8 số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chị Đỗ Thị H1 số tiền 3.410.933 đồng (Ba triệu bốn trăm mười nghìn chín trăm ba mươi ba đồng); chị Lê Thị V1 số tiền 1.227.733 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng); anh Đoàn Minh D1 số tiền 500.000 đồng

(Năm trăm nghìn đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Buộc chị Mai Thị Thu Hiền phải nộp lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); anh Nguyễn Đình Sơn phải nộp lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); chị Châu Thị Thu H4 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); chị Phan Thị Kim T2 phải nộp lại 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); chị Võ Thị Kim L3 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh Nguyễn Tấn T9 phải nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); chị Dương Mộng T8 phải nộp lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); anh Nguyễn Khánh B3 phải nộp lại 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); chị Lê Thị V1 phải nộp lại 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); chị Đỗ Thị H1 phải nộp lại 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); anh Đoàn Minh D1 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh Nguyễn Hoàn Anh T1 phải nộp lại 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); Nguyễn Thị Minh N1 phải nộp lại 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); anh Trương Thạnh Lợi phải nộp lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là số tiền các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị K1, bà Phạm Thị Thủy, bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt, anh Trương Thạnh Lợi, chị Mai Thị Thu Hiền, chị Châu Thị Thu Hiến, chị Võ Thị Kim Loan, chị Lưu Thị Châu Trần, anh Nguyễn Hoàng Anh T1, anh Nguyễn Đình Sơn, anh Trần Lê Duy Hải, chị Phan Thị Kim T2, anh Nguyễn Tấn Thời, chị Dương Mộng Thùy, chị Đỗ Thị H1 , chị Lê Thị Vân, anh Đoàn Minh D1 nếu các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trương Thị T2 còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Anh T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.228.551 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thị T2 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.228.551 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai (1);
- THA Dân sự tỉnh Đồng Nai (1);
- Phòng THA Dân sự Khu vực 1 - Đồng Nai (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (2);
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (18);
- Lưu (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Dung